| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**<br>**TỈNH QUẢNG NINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 23/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 28/5/2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà* : Bà Nguyễn Thị Giang Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn T Tập và bà Vũ Thị Xuyến

***-Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Trung Nghĩa - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Uông Bí.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí*** *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2021, tại Phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/2020/TLST - HNGĐ ngày 16/12/2020 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 06/5/2021,giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 1, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*2.Bị đơn*: Anh **Phạm Việt T** sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 1, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Về quan hệ hôn nhân:**

Theo đơn khởi kiện, trong bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Việt T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/8/2009, tại Ủy ban nhân dân xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thẫu. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm; do anh T nợ nần, cờ bạc, lô đề nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau; cuộc sống không H hợp, hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Anh Phạm Việt T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

*** Về con chung**: Chị H trình bày: Quá trình chung sống anh chị có 01 (một) con chung là Phạm Minh Hải, sinh ngày 01/01/2011. Quan điểm của chị H đề nghị sau khi ly hôn được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

*** Về tài sản chung**: Chị H trình bày anh chị tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã có Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải cho chị H và anh T; chị H có mặt còn anh T vắng mặt nên Tòa án không T hành được.

Qua xác minh tại khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, đại diện khu 8 cho biết: Chị H và anh T quá trình chung sống tại địa phương có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ khoảng tháng 10/2020 chị H đã đưa con ra ngoài sống. Anh chị có 01 (một) con chung là Phạm Minh Hải, sinh ngày 01/01/2011. Hiện nay cháu Hải đang sống cùng mẹ.

Tại Biên bản lấy ý kiến của cháu Phạm Minh Hải là con chung của chị H và anh T. Cháu Hải có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đảm bảo theo quy định  của pháp luật. Nguyên đơn đã cơ bản thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án nên vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập xét xử 02 (hai) lần đến phiên tòa, nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án T hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Việt T đăng ký kết hôn với nhau năm 2009; đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm; không tìm được Tg nói chung nên cuộc sống không H hợp, hạnh phúc. Hiên nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Chị H xác định không còn tình cảm với anh T; anh T đã được Tòa án thông báo về phiên H giải nhưng vắng mặt, thể hiện anh không có thiện chí để Tòa án H giải vợ chồng về đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị cũng được đại diện địa phương nơi anh chị chung sống xác nhận. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 (một) con chung là Phạm Minh Hải, sinh ngày 01/01/2011; hiện nay con chung do chị H chăm sóc. Quan điểm của chị H đề nghị được quyền nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy chị H có chỗ ở, có việc làm và thu nhập; đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung; nguyện vọng của cháu Phạm Minh Hải là con chung của anh chị muốn được ở với mẹ  nên giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Quan điểm của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh T vắng mặt không có quan điểm nên không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị H trình bày anh chị tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên  không xem xét.

Từ những nhận định trên đây, xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ  khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Uỷ ban thường vụ quốc hội;

**Tuyên xử**:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Việt T.

2.Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Minh Hải, sinh ngày 01/01/2011, kể từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Phạm Việt T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị H.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3.Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0003647 ngày 16/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

4. Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Việt T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**
-VKSND TP Uông Bí;
-TAND tỉnh Quảng Ninh;
-Chi cục thi hành án DS TP Uông Bí;
-Các đương sự;
- UBND xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Giang Thanh**